

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2021/DS-ST
Ngày: 16-09-2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Chính.

Ông Nguyễn Công Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 09 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 03 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2021/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

Địa chỉ: Tòa nhà X, số Y, Trần Hưng Đ, phường Cửa N, quận Hoàn K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S - Chức vụ Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hữu T - Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần B - Chi nhánh Hậu G.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Hữu T: Ông Trần Ngọc K, sinh năm 1992, Chức vụ: Chuyên viên (vắng mặt có đơn xin ngày 14-9-2021).

Địa chỉ: Ấp N, xã Vĩnh Thuận Đ, huyện Long M, tỉnh Hậu G. Theo văn bản ủy quyền ngày 24-08-2020.

- Bị đơn: Bà Lý Thị Quỳnh L, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Trung H, xã Tuấn T, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24-08-2020 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần B và lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Ngọc K trình bày:

Ngày 26-03-2018 Ngân hàng Thương mại cổ phần B chi nhánh Hậu G, phòng giao dịch Long M có ký hợp đồng tín dụng số 803201805569 với bà Lý Thị Quỳnh L. Ngân hàng cho bà L vay số tiền 75.000.000 đồng, mục đích sửa chữa nhà ở, thỏa thuận vốn lãi trả theo từng lần hàng tháng. Thời hạn vay 60 tháng từ ngày 26-03-2018 đến ngày 24-03-2023, với mức lãi suất trong hạn 12.5%/năm áp dụng cố định từ ngày 26-03-2018 đến ngày 25-03-2019, sau đó áp dụng lãi suất định kỳ thay đổi, được điều chỉnh định kỳ theo quy định của Ngân hàng. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Sau khi vay bà L trả được một phần tiền vốn và lãi theo hợp đồng. Nhưng từ ngày 16-06-2019 bà L không trả vốn lãi và từ ngày 16-7-2019 để phát sinh nợ quá hạn, Ngân hàng nhiều lần tạo điều kiện nhưng bà L không trả nợ.

Nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà L trả số tiền gốc 46.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 23-8-2020, lãi trong hạn 9.409.197 đồng, lãi quá hạn 1.983.867 đồng và tiền lãi phát sinh đến ngày xét xử sơ thẩm. Nhưng sau đó đến ngày 22-06-2021 bà L có trả được 06 lần với tiền gốc 15.000.000 đồng.

Nay anh K đại diện Ngân hàng yêu cầu bà L trả tiền gốc còn nợ 31.000.000 đồng và nợ lãi trong hạn từ ngày 16-07-2019 đến ngày 16-09-2021 tiền lãi 15.217.279 đồng, trong đó bao gồm có nợ tiền lãi 288.557 đồng của một phần tháng 6 năm 2019 và tiền lãi quá hạn 3.764.558 đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi 49.981.837 đồng.

Bị đơn bà Lý Thị Quỳnh L vắng mặt không có lời trình bày:

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ đầy đủ; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của pháp luật, riêng bị đơn bà Lý Thị Quỳnh L đã bỏ địa phương, cố tình giấu địa chỉ tức từ bỏ nghĩa vụ chứng minh chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần B. Buộc bị đơn bà L có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ vốn gốc 31.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn, quá hạn theo ngân hàng yêu cầu, ngoài ra bị đơn còn phải chịu lãi phát sinh từ ngày 17-09-2021 theo hợp đồng tín dụng lập ngày 26-03-2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự phát sinh từ hợp đồng dân sự giữa tổ chức tín dụng với cá nhân được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Lý Thị Huỳnh L có nơi cư trú tại xã Tuân T, huyện Thanh T, theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng. Đại diện Ngân hàng có đơn xin giải quyết vắng mặt, còn bà L được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, mời công khai chứng cứ, hòa giải, triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xử xét xử vắng mặt đối với bà L và Ngân hàng.

[2] Về nội dung vụ án, căn cứ Hợp đồng tín dụng số 803201805569, ngày 26-03-2018, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định Ngân hàng Thương mại cổ phần B cho bà L vay tiền gốc 75.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, mục đích sửa chữa nhà ở, lãi suất 12,5%/năm, sau đó lãi suất được điều chỉnh định kỳ theo quy định của Ngân hàng, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, hình thức trả gốc cố định, lãi theo dư nợ thực tế, trả gốc và lãi định kỳ hàng tháng, tiền gốc 1.250.000 đồng/tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng bà L đã trả được một khoản tiền gốc và lãi, nhưng từ ngày 16-07-2019 bà L không trả tiền gốc và lãi khi đến hạn và còn nợ tiền gốc 46.000.000 đồng và nợ tiền lãi trên gốc 55.000.000 đồng, mặc dù Ngân hàng đòi nhiều lần. Tuy nhiên, sau đó từ ngày 16-10-2020 đến ngày 22-06-2021 bà L có trả cho Ngân hàng số tiền gốc 15.000.000 đồng (46.000.000 đồng - 15.000.000 đồng = 31.000.000 đồng).

[3] Như vậy, bà L đã vi phạm nghĩa vụ chưa thực hiện đúng khoản 9.4 Điều 9 của Hợp đồng tín dụng “*Thực hiện việc trả nợ gốc, lãi và các khoản chi phí khác đầy đủ, đúng hạn cho bên cho vay và chịu mọi chi phí phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng này*”. Do đó, Ngân hàng Thương mại cổ phần B căn cứ khoản 10.3 Điều 10 của hợp đồng tín dụng “... *thu hồi một phần hoặc toàn bộ vốn vay trước hạn theo nội dung tại khoản 7.1 Điều 7 Hợp đồng này*”; điểm b khoản 7.1 Điều 7 thỏa thuận “*Bên vay vi phạm các cam kết trong Hợp đồng tín dụng và các văn bản cam kết khác của bên vay đối với bên cho vay*”.

[4] Số tiền bà L còn nợ lãi được tính trên tiền gốc 55.000.000 đồng hàng tháng giảm dần, tiền lãi trong hạn tính từ ngày 16-07-2019 đến ngày 26-12-2019 mức lãi 17,7%/năm, từ ngày 27-12-2019 đến ngày 26-12-2020 mức lãi 17,6%/năm và từ ngày 27-12-2020 ngày 16-09-2021 với mức lãi suất 16,69%/năm với số tiền lãi trong hạn 15.217.279 đồng và tiền lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn với tiền lãi 3.764.558 đồng. Nên Ngân hàng khởi kiện đối với bị đơn bà L phải thanh toán nợ gốc và lãi là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bị đơn bà L trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ tổng vốn gốc và lãi 49.981.837 đồng, trong đó tiền gốc 31.000.000 đồng và tiền lãi 18.981.837 đồng.

[5] Kể từ ngày 17-09-2021 bị đơn bà L còn tiếp tục chịu lãi của số tiền nợ gốc, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kiêm kế ước nhận nợ ngày 26-03-2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí 5% trên số tiền phải trả theo quy định của pháp luật.

[7] Từ phân tích nêu trên, xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì là có cơ sở chấp nhận.

[8] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần B đối với bị đơn bà Lý Thị Quỳnh L.

Buộc bị đơn bà Lý Thị Quỳnh L có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền vốn vay 31.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 15.217.279 đồng và tiền lãi quá hạn 3.764.558 đồng, tổng cộng vốn và lãi 49.981.837 đồng (bốn mươi chín triệu chín trăm tám mươi một nghìn tám trăm ba mươi bảy đồng).

Kể từ ngày 17-09-2021 bà Lý Thị Huỳnh L còn phải tiếp tục chịu lãi đối với khoản nợ gốc cho đến khi thanh toán xong, theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 803201805569, ngày 26-03-2018.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn bà Lý Thị Quỳnh L có nghĩa vụ nộp số tiền 2.499.091 đồng (hai triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn không trăm chín mươi một đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.435.000 đồng (một triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008291 ngày 24-02-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần B, bị đơn bà Lý Thị Quỳnh L vắng mặt kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30

Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Nam